

TRƯỜNG THPT ĐỨC TRỌNG

Tổ Sử - Địa – GDKT&PL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: LỊCH SỬ 11

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

1. Bối cảnh lịch sử

+ *Kinh tế:*

- Nhà nước không còn quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi.
- Nhiều năm mất mùa, đói kém.

+ *Xã hội:*

- Vương hầu, quý tộc, địa chủ chiếm giữ nhiều ruộng đất nông dân bị thu hẹp, đời sống bấp bênh, khổ cực.
- Nông dân phải bán ruộng đất, vợ, con cho các quý tộc, địa chủ giàu có và bị biến thành nô tì.
- Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, nô tì và giai cấp thống trị trở nên gay gắt.
- Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì nổ ra: khởi nghĩa Ngô Bệ (Hải Dương), khởi nghĩa Phạm Sư Ôn (Hà Nội).
- Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra thời kì này vì: quý tộc Trần tăng cường bóc lột khiến nhân dân bất bình.
- Bối cảnh lịch sử về chính trị:
 - + Vua và tầng lớp quý tộc, quan lại ngày càng ăn chơi, hưởng lạc.
 - + Trong triều, ít trung thần; nhiều kẻ gian, cơ hội.
 - + Không còn khả năng bảo vệ sự an toàn của đất nước:
 - Bất lực trước các cuộc tấn công của Chăm-pa.
 - Bất lực trước yêu sách của nhà Minh (Trung Quốc).
- + Hồ Quý Ly từng bước thu tóm quyền lực, buộc vua Trần nhường ngôi, lập ra Triều Hồ (năm 1400).

2. Nội dung cải cách

Lĩnh vực	Nội dung chính
Kinh tế - xã hội	- Ban hành chính sách hạn điền nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất. - Phát hành tiền giấy, cải cách chế độ thuế khóa, thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

	- Quy định số lượng gia nô được sở hữu của mỗi vương hầu, quý tộc, quan lại.
Quân sự	- Thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường lực lượng quân đội chính quy và phòng thủ ở những nơi hiểm yếu. - Xây dựng thành lũy (Tây Đô – Thanh Hóa, Đa Bang – Hà Nội), chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến,... - Quản lí nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên để tăng cường lực lượng quân đội.
Văn hóa, giáo dục	- Hạn chế sự phát triển của Phật giáo. - Chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở rộng việc học, đặt học quan đến cấp phủ, châu; tổ chức thi cử để tuyển chọn nhân tài. - Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

3. Kết quả và ý nghĩa

- *Kết quả*: đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.
- + Chính sách hạn điền, hạn nô làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất Triều Trần; tăng thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước trung ương tập quyền.
- + Cải cách trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục thể hiện tiến bộ xây dựng nền văn hóa, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
- *Ý nghĩa*: bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.
- *Hạn chế*: cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ chưa triệt để, kết quả trong thực tế còn hạn chế.

BÀI 10: CẢI CÁCH LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỶ XV)

1. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1460, Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước đã từng bước ổn định.

Hạn chế:

- + Ở trung ương, sự tập trung quyền lực chủ yếu trong tay các quan đại thần. Tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng,... ngày càng phổ biến.
- + Ở địa phương, đất nước rộng lớn nhưng chỉ chia làm 5 đạo, quyền lực của những người đứng đầu mỗi đạo rất lớn. Đây là mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

=> Trong bối cảnh đó, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.

2. Nội dung cải cách

Lĩnh vực	Nội dung chính
Hành chính	- <i>Ở trung ương</i>: xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn, chỉ giữ lại một số ít quan đại thần để cùng vua bàn công việc khi cần thiết. + Vua nắm mọi quyền hành và trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn. + Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ (sáu bộ), đồng thời đặt ra Lục Tự (sáu tự) để giúp việc cho Lục Bộ, Lục Khoa (sáu khoa) để theo dõi, giám sát hoạt động của Lục Bộ. - <i>Ở địa phương</i>: + Chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên. Đứng đầu thừa tuyên là Đô ty, Thừa Ty và Hiến ty có quyền ngang nhau - Dưới đạo thừa tuyên là phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã. - Quan lại trong bộ máy nhà nước được tuyển chọn chủ yếu thông qua khoa cử.
Pháp luật	Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật để quản lí đất nước: Năm 1483, ban hành bộ <i>Quốc triều hình luật</i> (Luật Hồng Đức) gồm 722 điều với nhiều quy định định mang tính dân tộc sâu sắc như các điều luật bảo vệ phụ nữ, người già, người tàn tật, trẻ em, bảo vệ sản xuất nông nghiệp,...
Quân đội và quốc phòng	- Năm 1466, tiến hành cải tổ hệ thống quân đội. Quân đội được chia làm hai loại: cấm binh và ngoại binh. - Nhà nước cũng rất chú ý đến rèn luyện quân đội như duyệt binh sĩ hằng năm, quy định cứ 3 năm tổ chức một kì thi võ nghệ của quân sĩ và định lệ thưởng phạt,...
Kinh tế	Ban hành các chính sách phát triển kinh tế như: chế độ lộc điền và chế độ quân điền.
Văn hóa và giáo dục	- Coi trọng biên soạn quốc sử. - Việc sử dụng lễ, nhạc, quy chế thi cử,... được luật hoá nghiêm túc. - Chú trọng giáo dục và khoa cử để đào tạo, tuyển dụng nhân tài; cho xây dựng lại Văn Miếu.

3. Kết quả và ý nghĩa

- *Kết quả*:

- + Làm cho bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao độ, đề cao quyền hành toàn diện của vua.
- + Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến chuyên quyền và nguy cơ cát cứ.
- + Các chính sách về ruộng đất góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

+ Chính sách giáo dục, khoa cử đã đào tạo được hệ thống quan lại trí thức có tài, đủ năng lực quản lý đất nước.

- *Ý nghĩa:*

+ Làm chuyên biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.

+ Tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

Bài 11 CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

1. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1802, triều Nguyễn được thành lập, cai quản đất nước rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Trong bối cảnh đất nước vừa trải qua thời gian chiến tranh và bị chia cắt lâu dài, đặt ra rất nhiều khó khăn. Dưới thời vua Gia Long, nhà Nguyễn tập trung chủ yếu vào công cuộc ổn định tình hình đất nước và ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.

- Bộ máy hành chính nhà nước thời kì này còn chưa hoàn chỉnh.

+ Ở trung ương, nhiều cơ quan chưa được hoàn thiện.

+ Ở địa phương, tính phân quyền còn đậm nét với sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định Thành. Tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất.

+ Quan lại trong bộ máy nhà nước chủ yếu do các võ quan nắm giữ.

=> Vấn đề cấp bách đặt ra với triều Nguyễn: khắc phục tình trạng phân quyền, thống nhất tổ chức hành chính trong cả nước, củng cố quyền lực của triều đình trung ương nói chung và của nhà vua nói riêng.

- Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất, sau khi lên ngôi hoàng đế (1820), vua Minh Mạng đã thi hành các biện pháp cải cách để tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.

2. Nội dung cải cách

* Ở trung ương:

- Vua Minh Mạng tiến hành cải tổ hệ thống Văn thư phòng và thành lập Cơ mật viện làm hai cơ quan tham mưu và tư vấn tối cao của hoàng đế về hành chính, chính trị và an ninh, quân sự.

+ Năm 1820, đổi Thị thư viện thành Văn thư phòng. Năm 1829, lập Nội các thay thế cho Văn thư phòng với chức năng như một cơ quan hành chính trung ương, chuyển và tiếp nhận công văn từ triều đình đến các địa phương và ngược lại, khởi thảo các chế cáo, lưu giữ công văn.

+ Năm 1834, lập Cơ mật viện làm cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề quân sự quan trọng, đứng đầu là quan văn, võ do đích thân nhà vua lựa chọn.

- Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của lục Bộ và cải tổ các cơ quan chuyên môn như Quốc tử giám, Hàn lâm viện....

- Vua Minh Mạng cũng thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua hoạt động của Đô sát viện và Lục khoa.

*** Ở địa phương:**

- Xóa bỏ Bắc Thành (năm 1831) và Gia Định Thành (năm 1832), chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. Đứng đầu tỉnh là Tổng đốc, Tuần phủ. Tổng đốc thường là người phụ trách hai tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh. Tỉnh còn lại do Tuần phủ đứng đầu, đặt dưới sự kiểm quản của Tổng đốc.

- Đối với vùng dân tộc thiểu số:

+ Vua Minh Mạng cho đổi các động, sách thành xã như vùng đồng bằng, đồng thời bãi bỏ chế độ cai trị của các tù trưởng địa phương, bổ dụng quan lại của triều đình đến cai trị trực tiếp.

- Về bộ máy quan lại: Vua Minh Mạng cũng cải tổ chế độ bồi tỵ bằng việc mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng và bổ sung những quy định mới rất nghiêm ngặt.

3. Kết quả, ý nghĩa

- Kết quả:

+ Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ. Vua nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và cả quyền thống lĩnh quân đội.

+ Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.

+ Cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ, phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

- Ý nghĩa: hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính; làm cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trước.

- Bài học kinh nghiệm: Cuộc cải cách Minh Mạng để lại nhiều bài học kinh nghiệm đối với tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong đó, cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh thời Minh Mạng là một trong những di sản lớn nhất của cuộc cải cách, còn có giá trị đến ngày nay.